TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2019/QĐST-HNGĐ	*Quảng Bình, ngày 10 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v xác nhận con cho cha

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Thư ký phiên họp: Bà Hoàng Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 10/2018/TLST - HNGĐ ngày 12/10/2018 về việc xác nhận con cho cha theo Quyết định mở phiên họp số: 387/2018/QĐPH - ST ngày 10 tháng 4 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

Anh Hoàng Xuân Q, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

+ Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn Ph, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

+ Anh Hà Quang C, sinh năm 1987, nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn Tr, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, hiện cư trú tại: 463-16Guseo1(il)-dong Gemjeong-gu, Busan, Hàn Quốc.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 10/8/2018 đã được bổ sung tại bản tự khai ngày 29/8/2018; ngày 26/10/2018 và tại phiên họp anh Hoàng Xuân Q trình bày: Trong thời gian chị Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết ly hôn với anh Hà Quang C thì giữa anh và chị Nguyễn Thị D có quan hệ tình cảm với nhau và có một con chung Hoàng Xuân H, sinh ngày 20/3/2016 (theo giấy chứng sinh của Bệnh viện Việt Nam Cu Ba Đồng Hới số 38 ngày 20/3/2016) hiện đang sống với chị D. Anh đã tiến hành

xác định AND, Trung tâm xét nghiệm Loci AND kết luận bố Hoàng Xuân Q và con giả định đặt tên Hoàng Xuân H (theo giấy chứng sinh của Bệnh viện Việt Nam Cu Ba Đồng Hới số 38 ngày 20/3/2016) có cùng quan hệ huyết thống cha con. Hiện nay chị D đã ly hôn anh C nên anh Q yêu cầu Tòa án công nhận cháu Hoàng Xuân H, sinh ngày 20/3/2016 là con của anh.

Tại bản tự khai đề ngày 26/10/2018 và tại phiên họp chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Hà Quang C đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Q. Sau thời gian ngắn chung sống thì anh C tiếp tục sang Hàn Quốc để lao động. Sau khi hết hạn hợp đồng lao động anh C không về nước mà ở lại Hàn Quốc lao động, mặc dù chị đã khuyên anh C trở về Việt Nam. Hơn hai năm sau khi hết hạn hợp đồng anh C vẫn không về nước, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh C không xác định được ngày trở về Việt Nam. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên năm 2014 chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C, vụ việc đã được Tòa án thụ lý giải quyết. Do tuổi đã lớn và mong muốn có con để cuộc sống bớt cô đơn vì vậy trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án chị đã quen với anh Hoàng Xuân Q và có một con chung Hoàng Xuân H, sinh ngày 20/3/2016. Chị và anh Q đã tiến hành xác định AND, Trung tâm xét nghiệm Loci AND kết luận bố Hoàng Xuân Q và con giả định đặt tên Hoàng Xuân H có cùng quan hệ huyết thống cha con. Tại Bản án số 08/2017/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã giải quyết cho chị ly hôn anh C, tuy nhiên do con trai Hoàng Xuân H sinh ra trong thời kỳ hôn nhân với anh C nhưng là con riêng của chị với anh Hoàng Xuân Q nên chị không kê khai vào khi giải quyết việc ly hôn với anh C. Nay chị đề nghị Tòa án công nhận cháu Hoàng Xuân H là con ruột của anh Hoàng Xuân Q.

Tại biên bản xác minh ngày 05/9/2018 và ngày 08/4/2019 ông Hà Quang L và bà Nguyễn Thị L là bố, mẹ của anh C trình bày: Anh Hà Quang C là con ruột của ông bà, anh C và chị D tìm hiểu yêu nhau có đăng ký kết hôn vào tháng 02/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện Q. Trước khi kết hôn anh C đã xuất cảnh lao động tại Hàn Quốc sau đó về nước kết hôn với chị Dịu được một tháng thì anh C trở lại Hàn Quốc làm việc cho đến nay chưa trở về Việt Nam, vợ chồng anh C chưa có con. Trong thời gian anh C ở Hàn Quốc chị D có quan hệ với người khác và có một con trai, chị D đưa con về sống tại xã G và không quay lại sống trong gia đình ông bà nữa. Ông L, bà L khẳng định con của chị D không phải là con chung của anh C và chị D.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận định:

[1] Theo đơn yêu cầu công nhận cháu Hoàng Xuân H, sinh ngày 20/3/2016 là con của anh Hoàng Xuân Q thấy: Cháu Hoàng Xuân H sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Hà Quang C và chị Nguyễn Thị D. Hiện nay anh Hà Quang C đang lao động tại Hàn Quốc, theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết củaTòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hà Quang C theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã gửi văn bản ủy thác cho Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc về việc tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho đương sự Hà Quang C, đồng thời gửi về nơi anh Cảm cư trú trước lúc xuất cảnh tại xã H, huyện Q. Tuy nhiên,Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình không nhận được văn bản trả lời của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của anh C. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 4 năm 2019, bà Nguyễn Thị L mẹ đẻ anh Hà Quang C thừa nhận gia đình đã nhận được các văn bản của Tòa án tỉnh Quảng Bình gửi cho anh C về việc anh Hoàng Xuân Q yêu cầu công nhận cháu Hoàng Xuân H là con đẻ của anh Q, qua điện thoại gia đình đã thông báo cho anh Hà Quang C biết rõ vụ việc này nhưng anh C khẳng định cháu H không phải con chung của anh với chịu D. Tại phiên họp anh C không có mặt và không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành mở phiên họp theo quy định.

[3] Chị Nguyễn Thị D và anh Hà Quang C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Quảng N vào năm 2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được một tháng thì anh C trở lại Hàn Quốc làm việc từ đó cho tới nay anh C không nhập cảnh về Việt Nam, chị D cũng không tới Hàn Quốc thăm anh C, vì vậy vợ chồng không còn tình cảm, năm 2014 chị D làm đơn xin ly hôn được Tòa án thụ lý giải quyết. Tại Bản án số 08/2017/HNGĐ - ST ngày 04/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã giải quyết cho chị D được ly hôn anh C.

[4] Trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Hà Quang C và chị Nguyễn Thị D, chị D đã sinh cháu Hoàng Xuân H, sinh ngày 20/3/2016. Tại bản tự khai ngày 26/10/2018 và tại phiên họp chị Nguyễn Thị D thừa nhận cháu Hoàng Xuân H là con riêng của chị với anh Hoàng Xuân Q; tại biên bản ghi lời khai ngày 05/9/2018 và ngày 08/4/2019 ông Hà Quang L, bà Nguyễn Thị L là bố, mẹ của anh Hà Quang C cho biết sau khi kết hôn với chị D vào năm 2012, anh C chung sống với chị D được 01 tháng thì trở lại Hàn Quốc lao động cho đến nay không

trở về Việt Nam, chị D cũng không sang Hàn Quốc thăm gặp anh C, do đó cháu Hoàng Xuân H sinh ngày 20/3/2016 không phải là con của anh Hà Quang C.

[5] Tại đơn yêu cầu công nhận con của mình, bản tự khai và tại phiên họp anh Hoàng Xuân Quý thừa nhận cháu Hoàng Xuân H, sinh ngày 20/3/2016 là con chung của anh với chị Nguyễn Thị D. Tại kết quả xét nghiệm AND ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Trung tâm xét nghiệm Loci AND có địa chỉ tại 18 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội đã kết luận anh Hoàng Xuân Q và cháu Hoàng Xuân H, sinh ngày 20/3/2016 có cùng quan hệ huyết thống cha con.

[6] Từ các phân tích tại các mục [2], [3], [4] và [5] có đủ căn cứ xác định cháu Hoàng Xuân H, sinh ngày 20/3/2016 là con của anh Hoàng Xuân Q, do đó cần chấp nhận yêu cầu của anh Q về việc công nhận cháu Hoàng Xuân H là con ruột của anh Q.

[7] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Hoàng Xuân Q không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo quyết định này theo quy định tại Điều 372 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 474, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

1. Công nhận cháu Hoàng Xuân H, sinh ngày 20/3/2016 là con đẻ của anh Hoàng Xuân Q, sinh ngày 26/01/1981 và chị Nguyễn Thị D, sinh ngày 17/3/1988.

2. Anh Hoàng Xuân Q không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự. Trả lại cho anh Hoàng Xuân Q 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai số 0004616 ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh.

3. Anh Hoàng Xuân Q, chị Nguyễn Thị D có mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Anh Hà Quang C có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày quyết định của Tòa án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSNNCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- CCTHADS huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp[27]: .....

(25) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn yêu cầu.
(26) Ghi rõ những căn cứ pháp luật để ra quyết định.
(27) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp.
(28) Lưu ý: Chỉ ghi nội dung quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự.
(29) Phần cuối cùng của quyết định, trường hợp thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự là 1 Thẩm phán thì cần ghi như sau:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN……..[1]

Số:……../……./QĐDS-……[2]

Ngày:…....-……-……[3]

V/v: [4]……...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN……

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà) ……. - Thẩm phán

Thẩm phán: Ông (Bà)[5].....

Thẩm phán: Ông (Bà)[6].....

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)…….- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân[7]

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân[8]……tham gia phiên họp:

Ông (Bà)…….- Kiểm sát viên.

Trong ngày..... tháng..... năm.....[9] tại.....[10] mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số:...../...../TLST-.....[11] ngày..... tháng..... năm..... về yêu cầu .....[12] theo Quyết định mở phiên họp số:...../...../QĐPH-…….[13] ngày.....tháng..... năm.....

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[14].....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[15].....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[16] .....

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:…….[17]

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[18]

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[19] .....

4. Người làm chứng:[20] .....

5. Người phiên dịch:[21] .....

6. Người giám định:[22]

7. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:[23] .....

- .....
- .....
- .....

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án ……. [24] nhận định:[25].....

- .....
- .....
- .....

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:[26] .....

.....

.....

Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp[27]: .....

.....

Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án[28]

……..

……

……

[29]

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 93-DS</u>

(1) Ghi tên Toà án ra Quyết định giải quyết việc dân sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện A thuộc tỉnh B), nếu là Toà án nhân dân cấp tỉnh thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên).

(2) Ô thứ nhất ghi số Quyết định, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định, ô thứ ba ghi ký hiệu loại Quyết định, nếu là Quyết định sơ thẩm thì ghi "Số:10/2017/QĐDS-ST", nếu là Quyết định phúc thẩm thì ghi "Số:10/2017/QĐDS-PT".

(3) Ghi ngày, tháng, năm ra quyết định, không phân biệt phiên họp giải quyết việc dân sự diễn ra trong một buổi hay nhiều buổi.
(4) Ghi trích yếu nội dung của Quyết định, ví dụ: "Tuyên bố một người mất tích", "Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự",…
(5) và (6) Ghi tên các Thẩm phán trong trường hợp theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự thì thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự gồm có 3 Thẩm phán.
(7) và (24) Ghi tên Tòa án giải quyết việc dân sự
(8) Ghi tên Viện kiểm sát.
(9) Ghi ngày, tháng, năm diễn ra phiên họp giải quyết việc dân sự.
(10) Địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định).
(11) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý việc dân sự (ví dụ: Số: 30/2017/TLST-DS).
(12) Ghi trích yếu việc dân sự mà Tòa án giải quyết: Cần xác định việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại khoản, điều nào của Bộ luật tố tụng dân sự để ghi vào phần trích yếu của việc dân sự (ví dụ: Việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết là "Yêu cầu tuyên bố một người mất tích" được quy định tại khoản 3 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tuyên bố một người mất tích").
(13) Ghi rõ số, ký hiệu của Quyết định mở phiên họp, nếu là Quyết định mở phiên họp sơ thẩm thì ghi "Số:10/2017/QĐPH-ST", nếu là Quyết định mở phiên họp phúc thẩm thì ghi "Số:10/2017/QĐPH-PT".
(14) Ghi rõ tên người yêu cầu, nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.
(15) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".
Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).
Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).
(16) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.
(17) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).
(18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).
(19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (16).
(20) Ghi họ tên và địa chỉ của người làm chứng.
(21) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú.
(22) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định. Nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú.
(23) Ghi rõ những vấn đề mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết theo đơn yêu cầu của người yêu cầu.
(25) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn yêu cầu.
(26) Ghi rõ những căn cứ pháp luật để ra quyết định.
(27) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp.
(28) Lưu ý: Chỉ ghi nội dung quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự.

(29) Phần cuối cùng của quyết định, trường hợp thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự là 1 Thẩm phán thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:
(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi quyết định theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án).

THẨM PHÁN
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trường hợp thành phần tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự là 3 Thẩm phán thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng giải quyết việc dân sự và đóng dấu (quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với quyết định để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi quyết định theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)